

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - GIA LAI

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85, Điều 86 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự sơ thẩm thụ lý số 33/2026/TLST-HNGĐ ngày 06/02/2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Phan Thanh H, sinh ngày 20/10/1991, mã định danh cá nhân số 049091001259.

2. Chị Phạm Thị X, sinh ngày 03/10/1992, mã định danh cá nhân số 037190005704.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã I, tỉnh Gia Lai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Thanh H và chị Phạm Thị X tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 102/2010, quyển số 01/2010 ngày 18/11/2010 của Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk). Anh H, chị X thừa nhận quá trình chung sống không có hạnh phúc, nguyên nhân do không hợp nhau về tư tưởng, cách sống, thường xuyên xảy ra cãi vã lớn tiếng trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên không ở với nhau, không có mặt ở nhà. Mâu thuẫn phát sinh do không có tiếng nói chung về các vấn đề con cái, áp lực kinh tế. Cả hai đã cố gắng tự hòa giải nhưng không thành. Đến nay anh chị đều nhận thấy mâu thuẫn hôn nhân đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn thương yêu nhau nên thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn. Sau khi thụ lý đơn

yêu cầu giải quyết việc dân sự của anh chị, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, việc thuận tình ly hôn của anh chị là thực sự tự nguyện.

[2] Về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con: Anh H, chị X có bốn con chung là Phan Thị Thanh D, sinh ngày 14/10/2010; Phan Thị Bích D1, sinh ngày 15/02/2013; Phan Thị Bích H1, sinh ngày 27/9/2017 và Phan Thị Bích D2, sinh ngày 22/6/2019. Anh chị đã thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn và sự thỏa thuận của anh chị bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ, con.

[3] Về chia tài sản chung, nợ chung: Anh H, chị X tự thỏa thuận giải quyết với nhau và không yêu cầu Tòa án công nhận vấn đề này.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh H, chị X thỏa thuận mỗi người chịu một nửa tiền lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Thanh H và chị Phạm Thị X thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 102/2010, quyển số 01/2010 ngày 18/11/2010 của Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk) hết hiệu lực kể từ ngày 23/02/2026.

- Về nuôi con: Anh Phan Thanh H có nghĩa vụ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung là Phan Thị Bích H1 và Phan Thị Bích D2; chị Phạm Thị X có nghĩa vụ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung là Phan Thị Thanh D và Phan Thị Bích D1.

Thời điểm trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của anh Phan Thanh H và chị Phạm Thị X bắt đầu từ ngày 06/02/2026 cho đến khi con thành niên, hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phan Thanh H và chị Phạm Thị X đều không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con trong vụ việc này.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: Anh Phan Thanh H và chị Phạm Thị Xuân T thỏa thuận với nhau và không yêu cầu Tòa án công nhận vấn đề này.

- Về các vấn đề khác: Không.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí Tòa án là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), anh Phan Thanh H và chị Phạm Thị X mỗi người chịu một nửa số tiền này là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí Tòa án đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001244 ngày 06/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Anh H, chị X đã nộp đủ lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Khu vực 11 - Gia Lai;
- PTHADS Khu vực 11 - Gia Lai;
- UBND xã Ea Phê, tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu: HSVA, VT-LT, CGQ.

THẨM PHÁN

(đã ký, đóng dấu)

Võ Tiến Sỹ